TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 4 - 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1973 (có yêu cầu vắng mặt)
Bị đơn: Ông T**,** sinh năm 1968 (vắng mặt)
Cùng trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Bà L trình bày:

Bà L và ông T kết hôn năm 1991, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1991; Trần Thị Mỹ Th, sinh năm 1994; Trần Minh S, sinh năm 1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông T trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Về phía bị đơn: ông T đã được Tòa án nhân dân huyện H tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, nhưng ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lý do. Ông T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Phía bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà L xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn, ông T vắng mặt suốt quá trình giải quyết của Tòa án, không có ý kiến về việc ly hôn nên coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà L được ly hôn với ông T. Các vấn đề khác do đương sự chưa hoặc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L khởi kiện vụ án ly hôn đối với bị đơn ông T cư trú tại xã M, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, phía nguyên đơn cũng yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà L là đúng theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 21/10/2002 của UBND xã M, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do ông T thường hay bài bạc, không lo làm ăn, bà L xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống. Qua xác minh tại địa phương thì trong thời gian chung sống bà L và ông T thường xuyên xảy ra cãi nhau. Như vậy, có cơ sở xác định bà L và ông T thật sự có mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành và các đương sự không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[7] Tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông T.

[2] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001719 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện H
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng